TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 147/2020/HSST Ngày: 29-5-2020	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan.

Ông Nguyễn Văn Quỹ.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2020/TLST-HS ngày 07-4-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐ-HSST ngày 14-5-2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Quang T, sinh năm 1979 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 10B, ngõ V, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Số nhà 16/129 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân C và bà Lê Thị N; bị cáo sống chung với chị Vũ Thị H (Chưa đăng ký kết hôn) và chưa có con; tiền án: Ngày 06-01-2011 Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04-01-1996 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cướp giật tài sản công dân"; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12 tháng 01 năm 2020 sau đó

chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người làm chứng: Anh Đinh Mạnh H và ông Vũ Ngọc C (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12-01-2020, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N làm nhiệm vụ khu vực đầu ngõ 128 đường B, phường T, thành phố N, phát hiện Trần Quang T đang đứng một mình có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra T đã lấy từ tay trái 01 túi ni lông màu trắng kích thước 3 x 7 cm giao nộp cho Tổ công tác. Tổ công tác đã thu giữ, mở kiểm tra túi ni lông màu trắng trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (T khai là ma túy đá). Tổ công tác đã niêm phong gói ma túy đưa T, mời người làm chứng về trụ sở Công an thành phố N lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang. Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 chiếc điện thoại OPPO màu đỏ đen đã cũ và 100.000 đồng tiền Việt Nam.

Bản kết luận giám định số: 72/GĐKTHS ngày 14-01-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 túi nilong màu trắng thu giữ của Trần Quang T được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy Methamphetmine, có khối lượng mẫu 5,578 gam (Năm phẩy năm bảy tám gam).

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quang T khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý mục đích để sử dụng và khai nhận nguồn gốc số ma túy trên như sau: Khoảng 18 giờ 00 ngày 12-01-2020, T đi xe tắc xi từ nhà đến ngõ 128 đường B, phường T, thành phố N mục đích mua ma túy để sử dụng đến nơi, T đi bộ vào ngõ gặp 01 thanh niên (Không rõ lai lịch) mua 01 túi ma túy với giá 2.000.000 đồng rồi cầm túi ma túy vừa mua trong tay trái. Khi T đang đứng tại khu vực đầu ngõ 128 đường B, phường T, thành phố N thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố N phát hiện bắt giữ.

Bản Cáo trạng số 113/CT-VKSTPNĐ ngày 06-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Quang T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điểm g, o Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Trần Quang T xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng và khai nhận biết rõ hành vi cất giữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do nghiện ma túy nên đã tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Quang T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng Điểm g, o Khoản 2 Điều 249, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Quang T từ 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 07 (Bẩy) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ số ma tuý đã thu giữ của bị cáo, trả lại bị cáo 01 điện thoại Oppo màu đỏ đen và số tiền 100.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Quang T có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; bản kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công

an tỉnh Nam Định; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12-01-2020, tại khu đầu ngõ 128 đường B, phường T, thành phố N, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 5,578 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo tàng trữ lượng ma túy có khối lượng mẫu là 5,578 gam, bị cáo có 01 tiền án chưa được xoá án tích về tội rất nghiêm trọng do cố ý nay lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo Điểm g, o Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân xấu.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..."*. Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 gói ma túy trong phong bì niêm phong số 72/GĐKTHS là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoai Oppo màu đỏ đen và số tiền 100.000 đồng là tài sản riêng của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho Trần Quang T Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đang tiến hành xác minh nên tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm g, o Khoản 2 Điều 249, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

- Xử phạt bị cáo Trần Quang T 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2020.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy trong phong bì niêm phong số 72/GĐKTHS. Trả lại bị cáo 01 điện thoại Oppo màu đỏ đen và số tiền 100.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí: Bị cáo Trần Quang T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Quang T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Toà án ND.Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND.Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP.N;
- Công an TP.N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đức Nguyên